

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNH ĐỒNG CHUM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNH ĐỒNG CHUM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CANH DONG CHUM CORPORATION

Tên công ty viết tắt: CANH DONG CHUM CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110402706

3. Ngày thành lập: 29/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1, Tầng 2, Tầng 3 Tòa nhà Hattoco 110 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: .

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế thông thường loại A, B, C.	4659
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
9.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
14.	Dịch vụ đóng gói	8292
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299

16.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các chương trình đào tạo hướng nghiệp – Đào tạo tư duy, kiến thức và kỹ năng kinh doanh, khởi nghiệp (Không gồm hoạt động của các trường, của các tổ chức Đảng, đoàn thể, tôn giáo)	8559
17.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
18.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Không có bệnh nhân lưu trú)	8620
19.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xăm, phun thêu trên da (không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm)	8699
20.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: dịch vụ thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
21.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
24.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
25.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại. Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí. (Không gồm dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí và thông tin Nhà nước cấm)	6399
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản	6820
28.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, tư vấn giáo dục, tư vấn môi giới việc làm)	7020
29.	Quảng cáo	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
33.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hàng hóa bị cấm theo quy định)	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng.	4719
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723(Chính)
39.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
40.	Sản xuất chè	1076
41.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
42.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
43.	Sản xuất rượu vang	1102
44.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
46.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
48.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
49.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
55.	Cơ sở lưu trú khác	5590
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Dịch vụ ăn uống khác (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
60.	Xuất bản phần mềm (Không gồm hoạt động xuất bản ấn phẩm)	5820

61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế.	7730
62.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
65.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 668.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIỀN ĐỨC	Số 25 ngõ 40 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.006.000	300.600.000.000	45,000	001092004371	
			Tổng số	3.006.000	300.600.000.000	45,000		
2	LÊ HỮU SƠN	Nhà A ngõ 699 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.340.000	334.000.000.000	50,000	C9328779	
			Tổng số	3.340.000	334.000.000.000	50,000		
3	BÙI THỊ HOÀN	TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	334.000	33.400.000.000	5,000	034189002206	
			Tổng số	334.000	33.400.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092004371

Ngày cấp: 05/12/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 25 ngõ 40 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 25 ngõ 40 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội